

Bản án số: **57/2022/HS-PT**

Ngày 10 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Nguyễn Tuấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Tuấn N cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Phạm Tuấn N, sinh ngày 04/10/1981 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được bố và bà Phạm Thị K; vợ Trần Thị N; con: Có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/11/2014, Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Qđịnh xử phạt vi phạm hành chính số: 47/QĐ-XPVPHC, về hành vi đánh bạc, mức phạt tiền 1.250.000 đồng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

2. Họ và tên: Trần Chung H, sinh ngày 04/6/1994 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hải và bà Phạm Thị T; vợ con : Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 11/2011/HSST ngày 28/02/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bản án số: 14/2011/HSPT, ngày 29/4/2011, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xử phạt Trần Chung H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “ *Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

3. Họ và tên: Lê Văn Quang, sinh ngày 26/10/1973, tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trung Đ và bà Hoàng Thị S (đều đã chết); vợ Lý Thị T, con: Có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số: 37/2012/HSST, ngày 05/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

4. Họ và tên: Phạm Văn Q, sinh ngày 19/3/1963 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 3, xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị T; vợ Trần Thị T; con: Có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 27/2006/HSST, ngày 07/6/2006, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng về tội Đánh bạc và phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; phạt tiền 1.000.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bản án số 91/2007/HSST, ngày 31/12/2007, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, 09 tháng tù về tội đánh bạc, cộng 06 tháng tù của bản án số 27/2006/HSST, ngày 27/6/2006 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Buộc Qphải chấp hành hai bản án 30 tháng tù (đã chấp hành xong).

Bản án số: 44/2008/HSST, ngày 14/5/2008, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 11 tháng tù về tội đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của bản án số: 91/2007/HSST, ngày 31/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 30 tháng tù, buộc Qphải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 41 tháng tù (đã chấp hành xong).

Ngày 02/8/2012, Công an huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ ra Qđịnh xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC, về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, phạt tiền 1.000.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bản án số: 61/2015/HSST, ngày 30/10/2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc. Bản án phúc thẩm số 23/2016/HSPT, ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2015/HSST, (đã chấp hành xong).

Bản án số: 37/2017/HSST, ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp 02 năm 03 tháng tù về tội đánh bạc Bản án số: 23/2016/HS-PT, ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tổng hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 11 tháng tù (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

5. Họ và tên: Bàn Văn Đ, sinh ngày 15/5/1996 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị Đ; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

6. Họ và tên: Bàn Văn Linh Đ, sinh ngày 02/6/1991 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Xuân D và bà Hoàng Thị H; vợ: Bùi Thị Đ; con có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

7. Họ và tên: Trương Hồng C, sinh ngày 12/9/1959 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 3/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn A (đã chết) và bà Lý Thị N; vợ Đặng Thị Đ; con có 04 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

8. Họ và tên: Đường Văn D, sinh ngày 09/7/1979 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn Vệ và bà Triệu Thị T (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị H; con có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/7/2007, Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Qđịnh số: 79/QĐ-XPHC, xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền: 500.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

9. Họ và tên: Nông Văn P, sinh ngày 12/11/1992, tại tỉnh Tuyên Quang;

Trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Lý Thị S; vợ Vi Thị N K (đã ly hôn); con có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

10. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/6/1974 tại tỉnh Tuyên Quang

Trú tại: Thôn 1, xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị C (đã chết); vợ Phạm Thị T; con có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số: 36/2016/HSST, ngày 02/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

11. Họ và tên: Trương Thị T, sinh ngày 05/10/1986 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn 6, xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đắc V (đã chết) và bà Trương Thị T; chồng Trương Văn Q; con có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 10/9/2014, Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Qđịnh số: 288/QĐXPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền: 1.250.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bản án số: 27/2017/HSST, ngày 14/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

12. Họ và tên: Tạ Văn C, sinh ngày 01/2/1989 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn Đình Quải, xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Xuân Ý và bà Phạm Thị N; vợ Nguyễn Thị H; con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 20/11/2018, Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ra Qđịnh số: 301/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền: 1.250.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

13. Họ và tên: Đặng Thị T, sinh ngày 01/10/1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Trú tại: Thôn Lương Trung, xã Xuân Vân, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn T và bà Đặng Thị Đ; chồng Trương Văn C (đã ly hôn); con có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 91/2007/HSST, ngày 31/12/2007, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thử thách 15 tháng (đã chấp hành xong).

Bản án số: 31/2011/HSST, ngày 15/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt tiền 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bản án số: 17/2019/HSST, ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 03/01/2022, Phạm Tuấn N; Trần Chung H; Lê Văn Q và Nguyễn Xuân T đi ăn sáng, uống rượu tại quán Linh Cthuộc thôn 4, xã T. N nói và bàn bạc với H, Quang và Thuỷ cùng nhau đứng ra tổ chức cho người khác đánh bạc để thu tiền hồ chia nhau. H, T, Qu đồng ý và thống nhất rủ những người đánh bạc đến nhà Quang rồi đưa lên đồi trồng keo nhà Quang thuộc thôn 2, xã T đánh bạc. N rủ H cùng nhau góp mỗi người 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để khi người đánh bạc có nhu cầu vay tiền thì N sẽ đứng ra cho vay lấy tiền lãi, tiền lãi được bao nhiêu sẽ chia đôi, H đồng ý.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong thì Quang và T cùng đi về nhà Quang, còn N và H đi về nhà. Sau đó, N đi đến nhà Quang, thấy Quang và T đang ngủ nên N cũng vào nhà ngủ, đến khoảng 13 giờ thì Quang, T, N dậy ngồi uống nước ở bàn ngoài sân, N sử dụng điện thoại di động gọi cho Nông Văn P, Trương Hồng C; Phạm Văn Q; Nguyễn Văn T; Đặng Văn Đ; Đường Văn Học; Đặng Thị T để rủ đến nhà Quang đánh bạc; Lê Văn Quang gọi điện thoại cho Đường Văn D, sau đó mọi người đến và H đưa cho N 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền góp để cho những người tham gia đánh bạc vay. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì có Đường Văn Học, Nguyễn Thế Q2 và Nguyễn Trường G; Nông Văn P; Bàn Văn Đ, Phạm Văn Qt, Nguyễn Văn T, Đặng Văn Đ đến nhà Q. Q vào nhà chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 cH nhựa, 01 mảnh tre và 01 con dao tông cho vào bao tải rồi đưa cho T cầm, sau đó Quang nói với mọi người “*Ai đi thì cho điện thoại vào túi bóng trên bàn*”, mục đích để tránh việc có người liên lạc báo lực lượng Công an. Nghe Quang nói thì Q, T, P, Đ, Đ, Q2, Giang, Học cho điện thoại di động vào túi bóng rồi Quang cầm túi bóng đem vào trong nhà cất và khoá cửa lại.

Sau đó các bị cáo đi bộ theo đường mòn đi lên đồi trồng cây keo của nhà Lê Văn Quang khi đến vị trí đánh bạc thì T là người xách bao tải đựng dụng cụ. Do đã có sự phân công từ trước nên khi đi đến ngã ba đường để rẽ lên đồi (cách nhà Quang khoảng 300m) thì Quang đứng lại để canh gác và chỉ đường lên khu vực đánh bạc, khi đi được khoảng 700 mét nữa thì H dừng lại trước lán của ông Lê Văn Hà trú tại thôn 2, xã T canh gác và chỉ đường cho người đến sau. N và T tiếp tục dẫn mọi người đi thêm khoảng 300m nữa đến bãi đất trống ở lưng đồi

keo nhà Quang thì T bỏ dụng cụ để đánh bạc trong bao tải ra, mọi người trái cH còn T sử dụng dao chẻ mảnh tre làm 04 quân vị, chuẩn bị xong các bị cáo ngồi quây tròn với nhau và bắt đầu đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyễn Xuân T là người xóc cái cho mọi người chơi và không tham gia đánh bạc. Các bị cáo đang ngồi đánh bạc thì có Đường Văn D, Tạ Văn C, Bàn Văn Linh Đ, Đặng Thị T, Trương Thị T và Trương Hồng C đến sau cùng vào tham gia đánh bạc, còn Trần Văn Thành đi cùng C đến không tham gia đánh bạc *(trước khi lên vị trí đánh bạc thì T và T có nộp điện thoại di động cho Quang)*.

Trước khi ngồi đánh bạc P trả cho N số tiền 1.000.000 đồng; C trả cho N số tiền 2.000.000 đồng tiền vay của N trước đó.

Khi mọi người đánh bạc thì T, G, H đứng xem không tham gia đánh bạc. Còn Phạm Văn Q bỏ ra 04 quân bài tứ lơ khơ làm bảng vị, tuy nhiên không có ai đánh bảng vị nên Q cắt vào túi. Trong quá trình đánh bạc thì N và Thủy bảo ai chơi thì nộp tiền hồ, sau đó có Đường Văn D, Bàn Văn Linh Đ, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ, Nông Văn P, Đặng Thị T, Trương Thị T, Đặng Văn Đ, Tạ Văn C mỗi người nộp 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền hồ cho T.

Quá trình đánh bạc có Bàn Văn Đ đánh thua hết tiền nên cầm cổ xe mô tô cho N lấy 2.000.000 đồng, N cắt tiền lãi 200.000 đồng và chỉ đưa cho Đ 1.800.000 đồng, D cầm cổ điện thoại di động cho N lấy 1.000.000 đồng, N cắt tiền lãi 100.000 đồng và đưa cho D 900.000 đồng, Bàn Văn Linh Đ vay của N hai lần mỗi lần là 5.000.000 đồng, N cắt tiền lãi 100.000 đồng/1.000.000 đồng và chỉ đưa mỗi lần cho Bàn Văn Linh Đ 4.500.000 đồng, có tiền các bị cáo tiếp tục sử dụng đánh bạc, đánh được một lúc thì Bàn Văn Đ, Đường Văn D, Bàn Văn Linh Đ thắng nên chuộc lại xe mô tô, điện thoại trả lại tiền cho Phạm Tuấn N. Nguyễn Thế Q2 cầm cổ xe mô tô cho N lấy 7.500.000 đồng, N cắt tiền lãi 600.000 đồng và đưa cho Q2 6.900.000 đồng, Q2 tham gia đánh bạc và nộp tiền hồ cho T.

Các bị cáo cùng nhau đánh bạc đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ. T thu dọn cH, bát, đĩa, dao, quân vị cho vào bao tải rồi cùng một số người đi về nhà Quang. Đến 16 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Y phối hợp Công an xã T đến nhà Lê Văn Q tiến hành lập biên bản xác minh nguồn tin về tội phạm do quần chúng nhân dân cung cấp, tổ công tác đã yêu cầu các đối tượng đang có mặt tại nhà Quang gồm Lê Văn Q, Bàn Văn Đ, Phạm Tuấn N, Trương Hồng C, Phạm Văn Q, Nông Văn P, Nguyễn Văn T, Trần Văn T về Công an huyện Y để điều tra, xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra xác định được số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 35.290.000 đồng cụ thể như sau:

1. Phạm Tuấn N là người rủ rê, tổ chức cho 12 người đánh bạc trái phép và là người cho vay, cầm cố tài sản để tính lãi suất thu lợi của Bàn Văn Đ, Đường Văn D, Bàn Văn Linh Đ, Nguyễn Thế Q2 bất chính được 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng). Khi đến vị trí đánh bạc N mang theo số tiền 10.000.000 đồng (trong đó có 5.000.000 đồng do Trần Chung H góp), Nông Văn P trả 1.000.000 đồng, Trương Hồng C trả 2.000.000 đồng. Tổng là 13.000.000 đồng, T bộ số tiền này N sử dụng với mục đích cho vay và cầm cố tài sản để thu lợi. N không tham gia đánh bạc.

2. Nguyễn Xuân T là người trực tiếp chuẩn bị quân vị và xóc cái cho các bị cáo đánh bạc, thu 100.000 đồng tiền hồ của 11 người tham gia đánh bạc. Tổng số tiền hồ thu được là 1.050.000 đồng, T không tham gia đánh bạc.

3. Trần Chung H là người canh gác, giúp sức cho việc tổ chức đánh bạc, bị cáo góp 5.000.000 đồng cùng Phạm Tuấn N để N trực tiếp cho người tham gia đánh bạc vay tính lãi suất, H không có mặt tại vị trí đánh bạc và chưa được N trả lại tiền gốc và chia cho tiền lãi. H không tham gia đánh bạc.

4. Lê Văn Quang là người tổ chức và canh gác cho các bị cáo đánh bạc, trực tiếp chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc, thu điện thoại của người tham gia đánh bạc. Quang chưa được nhận tiền công và không tham gia đánh bạc.

5. Bàn Văn Đ có 2.800.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 2.700.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng bạc trả cho N 2.000.000 đồng, còn 500.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

6. Đường Văn D có 1.900.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 1.800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng bạc trả cho N 1.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

7. Bàn Văn Linh Đ có 9.250.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 9.150.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng bạc trả cho N 10.000.000 đồng và tiếp tục đánh bạc thua hết.

8. Nguyễn Thế Q2 có 6.900.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 6.800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc thua hết, số tiền vay cầm cố tài sản cho N, Q2 chưa trả .

9. Phạm Văn Q có 10.000.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 9.900.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc thua 760.000 đồng, còn lại 9.140.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

10. Trương Hồng C có 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc thua 550.000 đồng, còn lại 1.450.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

11. Nguyễn Văn T có 500.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 400.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc thua 250.000 đồng, còn lại 150.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

12. Nông Văn P có 740.000 đồng, nộp 50.000 đồng tiền hồ, còn lại 690.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc thua 650.000 đồng, còn lại 40.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

13. Đặng Thị T có 200.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 100.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc thua hết tiền.

14. Trương Thị T có 300.000 đồng, nộp 50.000 đồng tiền hồ, còn lại 250.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc thua hết.

15. Đặng Văn Đ có 400.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng được 400.000 đồng. Đ giao nộp số tiền 700.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

16. Tạ Văn C có 300.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc thua hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã Qđịnh:

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Trần Chung H phạm tội Tổ chức đánh bạc;

Các bị cáo Phạm Văn Q, Bàn Văn Đ, Bàn Văn Linh Đ, Trương Hồng C, Đường Văn D, Nông Văn P, Nguyễn Văn T, Trương Thị T, Tạ Văn C, Đặng Thị T phạm tội Đánh bạc.

- Căn cứ điểm a, b, d khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn Q 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm a, d khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn N 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Trần Chung H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Q01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bàn Văn Linh Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bàn Văn Đ 11 (mười một) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Đường Văn D 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Hồng C 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Nông Văn P 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. - Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Tạ Văn C06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Thị T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn Qđịnh về hình phạt đối với các bị cáo còn lại, Qđịnh về xử lý vật chứng, án phí và Q2 kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/9/2022, bị cáo Trương Thị T, Trần Chung H, Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Bàn Văn Đ, Đặng Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 06/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 07/9/2022, bị cáo Đường Văn D, Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày

08/9/2022, bị cáo Phạm Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 14/9/2022, bị cáo Bàn Văn Linh Đ có đơn kháng cáo xin cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Chung H xin rút T bộ nội dung kháng cáo; bị cáo Trương Thị T, Đặng Thị T, Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ, Đường Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Bàn Văn Đ, Nguyễn Văn T thay đổi nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải Qvụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thị T, Đặng Thị T, Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ, Đường Văn D giữ nguyên kháng cáo; các bị cáo thay đổi nội dung kháng đề nghị xem xét cho hưởng án treo gồm có: Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Bàn Văn Đ; bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị xem xét cho hưởng án treo.

Xét thấy: Bị cáo Trần Chung H rút kháng cáo là hoàn T tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H.

Đối với kháng cáo bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Quang 01 năm 04 tháng tù và bị cáo Phạm Tuấn N 01 năm 04 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo không xuất trình thêm được căn cứ mới cho việc kháng cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Bàn Văn Linh Đ xin cải tạo không giam giữ. Xét thấy, trong vụ án các bị cáo tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 35.290.000 đồng, riêng bị cáo Q tham gia với số tiền cao nhất là 10.000.000 đồng, bị cáo có nhân thân xấu, đã 05 lần bị xét xử về các tội danh khác nhau, nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo Bàn Văn Linh Đ tuy có nhân thân tốt nhưng sử dụng số tiền 9.250.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với mỗi bị cáo mức án 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng quy định, các bị cáo không xuất trình thêm được căn cứ cho việc kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Đường Văn D, Trương Thị T, Đặng Thị T xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo D 10 tháng tù; bị cáo T, T mỗi bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm được căn cứ cho việc kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T tại cấp phúc thẩm xuất trình biên lai thu tiền phạt số tiền 10.000.000 đồng; các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xin cải tạo tại địa P có xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư trú, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T và Bàn Văn Đ có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, do đó cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ, Đường Văn D, Trương Thị T, Đặng Thị T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt đối với các bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Chung H, bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Trần Chung H.

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ sửa bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bàn Văn Đ**, 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 10 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Hồng C**, 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 08 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nông Văn P**, 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo **Tạ Văn C**, 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T và Tạ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C và Bàn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Trương Thị T, Đặng Thị T, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ và Đường Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Chung H, Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T và Bàn Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C và Nguyễn Văn T đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm hình sự; các bị cáo Trần Chung H, Lê Văn Quang, Đường Văn D và Phạm Tuấn N đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đề nghị tuyên trả cho bị cáo Tạ Văn C 200.000 đồng án phí do bị cáo nộp thừa tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 03/01/2022 tại khu vực đồi cây của gia đình Lê Văn Quang thuộc thôn 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang: Phạm Tuấn

N cùng với Lê Văn Quang, Nguyễn Xuân T, Trần Chung H đã có hành vi rủ rê, bố trí địa điểm, chuẩn bị công cụ, P tiện, thu tiền hồ, canh gác, cảnh giới để tổ chức đánh bạc dưới hình đánh xóc đĩa chắn, lẻ ăn tiền. Khi đến vị trí đánh bạc Phạm Tuấn N mang theo số tiền 10.000.000 đồng (trong đó có 5.000.000 đồng do Trần Chung H góp), Nông Văn P trả 1.000.000 đồng, Trương Hồng C trả 2.000.000 đồng, tổng là 13.000.000 đồng, T bộ số tiền này N sử dụng với mục đích cho vay và cầm cố tài sản để thu lợi. Phạm Tuấn N cho Bàn Văn Đ cầm cố xe mô tô 2.000.000 đồng thu lãi 200.000 đồng, cho Đường Văn D cầm cố điện thoại di động 1.000.000 đồng thu lãi 100.000 đồng, cho Bàn Văn Linh Đ vay tiền hai lần tổng số là 10.000.000 đồng thu lãi 1.000.000 đồng, cho Nguyễn Thế Q2 cầm cố xe mô tô 7.500.000 đồng thu lãi 600.000 đồng, tổng số tiền thu lợi từ việc cầm cố tài sản và cho vay là 1.900.000 đồng. Nguyễn Xuân T người xóc cái và thu tiền hồ được 1.100.000 đồng. Lê Văn Q, Trần Chung H là người canh gác, cảnh giới.

Các bị cáo Bàn Văn Đ, Đường Văn D, Bàn Văn Linh Đ, Nguyễn Thế Q2, Phạm Văn Q, Trương Hồng C, Nguyễn Văn T, Nông Văn P, Đặng Thị T, Trương Thị T, Tạ Văn C, Đặng Văn Đ đã tham gia đánh bạc xóc đĩa bằng hình thức chắn, lẻ, được thua bằng tiền, với số tiền cụ thể như sau: Bị cáo Bàn Văn Đ 2.800.000 đồng, Đường Văn D 1.900.000 đồng, Bàn Văn Linh Đ 9.250.000 đồng, Nguyễn Thế Q2 6.900.000 đồng, Phạm Văn Q 10.000.000 đồng, Trương Hồng C 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn T 500.000 đồng, Nông Văn P 740.000 đồng, Đặng Thị T 200.000 đồng, Trương Thị T 300.000 đồng, Đặng Văn Đ 400.000 đồng, Tạ Văn C 300.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 35.290.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên phạt các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Chung H rút T bộ nội dung kháng cáo; các bị cáo Trương Thị T, Đặng Thị T, Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ, Đường Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Bàn Văn Đ thay đổi nội dung kháng cáo, rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chỉ đề nghị xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị xin hưởng án treo.

Đối với nội dung rút kháng cáo của bị cáo Trần Chung H, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn T tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Chung H.

Đối với kháng cáo các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Quang 01 năm 04 tháng tù và bị cáo Phạm Tuấn N 01 năm 04 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc là có căn cứ, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo N là người rủ rê, tổ chức cho 12 người đánh bạc trái phép, cầm cố tài sản của người chơi bạc; bị cáo Quang là người tổ chức, canh gác, trực tiếp chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc trái phép; Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực, phạm tội nghiêm trọng, có nhân thân xấu, tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ, tình tiết mới phát sinh, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Qxin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Bàn Văn Linh Đ xin cải tạo không giam giữ. Xét thấy, trong vụ án các bị cáo tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 35.290.000 đồng, bị cáo Q tham gia với số tiền cao nhất là 10.000.000 đồng, bị cáo có nhân thân xấu, đã 05 lần bị xử phạt về các tội danh khác nhau nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo Bàn Văn Linh Đ tuy có nhân thân tốt nhưng sử dụng số tiền 9.250.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với mỗi bị cáo mức án 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có chứng cứ, tình tiết mới phát sinh, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Đường Văn D, Trương Thị T và Đặng Thị T. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Đường Văn D 10 tháng tù, bị cáo Trương Thị T, Đặng Thị T mỗi bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có chứng cứ, tình tiết mới phát sinh, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ. Xét thấy, tại cấp phúc thẩm các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ xuất trình biên lai thu tiền phạt số tiền 10.000.000 đồng; ngoài ra các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ có đơn xin cải tạo tại địa P có xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư trú, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ phạm tội đồng phạm giản đơn với vai trò thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội

đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe và phòng ngừa tội phạm chung theo tinh thần của Nghị Qsố 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Qsố 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Trương Thị T, Đặng Thị T, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ và Đường Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T, Bàn Văn Đ và Trần Chung H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C và Nguyễn Văn T đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm hình sự; bị cáo Trần Chung H, Lê Văn Quang, Đường Văn D, Phạm Tuấn N và Bàn Văn Linh Đ đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với số tiền 200.000 đồng tạm thu tại Biên lai số 0001779 ngày 23/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do bị cáo Tạ Văn C nộp thừa, xét thấy cần trả lại cho bị cáo.

[6] Các Qđịnh khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trần Chung H. Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo kể từ ngày 10/11/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Trương Thị T, Đặng Thị T, Phạm Văn Q, Bàn Văn Linh Đ và Đường Văn D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Căn cứ điểm a, b, d khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn Q**, 01 (một) năm

04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; phạt tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm a, d khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn N**, 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; phạt tiền 20.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Q**, 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bàn Văn Linh Đ**, 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đường Văn D**, 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Thị T**, 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị T**, 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T và Bàn Văn Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bàn Văn Đ**, 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm 10 (mười) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/11/2022.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Hồng C**, 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/11/2022; phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Nông Văn P**, 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/11/2022; phạt tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Tạ Văn C**, 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/11/2022; phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/11/2022; phạt tiền 10.000.000 đồng.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T và Tạ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C và Bàn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T và Bàn Văn Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Qđịnh buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt tù của bản án mới theo quy định.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Quang, Phạm Tuấn N, Đường Văn D, Trương Thị T, Đặng Thị T, Phạm Văn Q và Bàn Văn Linh Đ, mỗi bị cáo phải chịu án 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Chung H, Nông Văn P, Trương Hồng C, Tạ Văn C, Nguyễn Văn T và Bàn Văn Đ không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nông Văn P đã nộp xong 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001826 ngày 07/11/2022 và Biên lai số 0001894 ngày 15/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Trương Hồng C đã nộp xong 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tại Biên lai số 0001825 ngày

07/11/2022 và Biên lai số 0001892 ngày 15/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Tạ Văn C đã nộp xong 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001818 ngày 27/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp xong 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001829 ngày 10/11/2022 và Biên lai số 0001800 ngày 17/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận các bị cáo: Trần Chung H, Lê Văn Quang, Đường Văn D và Phạm Tuấn N đã nộp xong 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001780, 0001776, 0001777, 0001778 ngày 23/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Bàn Văn Đ đã nộp xong 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001893 ngày 15/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Trả lại cho bị cáo Tạ Văn C 200.000 đồng tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tại biên lai số 0001779 ngày 23/09/2022.

5. Các Qđịnh khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/11/2022./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh T.Quang;
 - Phòng hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
 - Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
 - TAND + VKSND huyện Y;
 - CQCSĐT Công an huyện Y;
 - Chi cục THADS huyện Y;
 - Bị cáo;
 - UBND xã T, T2
- huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (Thông báo);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành

